BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH KHÁNH HÒA

MỤC LỤC

		Trang
1.	Mục lục	1
2.	Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3.	Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4.	Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	6 - 9
5.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	10
6.	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	11 - 12
7.	Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	13 - 35

****

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phát hành Sách Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Phát hành Sách Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Phát hành Sách Khánh Hòa theo Quyết định số 2458/QĐ-UB ngày 05 tháng 8 năm 2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200535578 (trước đây là số 3703000070) đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 10 năm 2003. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 23 tháng 9 năm 2025 bởi Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa.

Trụ sở chính
- Địa chỉ : 34 Thống Nhất, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
- Điện thoại : 0258 730 3399
- Fax : 0258 382 5440

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Trung tâm sách Thống Nhất	34 Thống Nhất, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Trung tâm sách Ninh Hòa	02 Nguyễn Thị Ngọc Oanh, phường Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa
Trung tâm sách Diên Khánh	19 Lý Tự Trọng, xã Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa
Trung tâm sách Diên Khánh 2	02 Hà Huy Tập, xã Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa
Trung tâm sách Vạn Ninh	184 Hùng Vương, xã Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa
Trung tâm sách Vạn Ninh – Công ty Cổ phần Phát hành Sách Khánh Hòa	192 Hùng Vương, xã Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa
Trung tâm sách Vĩnh Phước	531 đường 2/4, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Trung tâm sách Ninh Diêm	212 Hòn Khói, phường Đông Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa
Trung tâm sách Cam Ranh	2010 Đại lộ Hùng Vương, phường Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa
Trung tâm sách Hải Quân 2	276 Dã Tượng, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Trung tâm sách Phước Hải	140 Lê Hồng Phong, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Trung tâm sách Tân Tiến	202 Thống Nhất, phường Tây Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh	55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, thành phố Hồ Chí Minh
Trung tâm sách Tuy Hòa	107 Nguyễn Trãi, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk
Trung tâm sách Phan Rang	22 đường 16/4, phường Phan Rang, tỉnh Khánh Hòa

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Mua bán sách, báo, tạp chí, văn hóa phẩm, văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh, đồ chơi, trò chơi trẻ em… tại các Trung tâm sách.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Hoàng Thanh Bình	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	Phó chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Tuất	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2023

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Ngô Thị Kiều Hạnh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Linh Huệ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2023
Ông Đỗ Tiến Thuần	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2023

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Đỗ Cử Nhân	Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2024
Ông Trần Thái Nhân	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 10 năm 2015
Ông Nguyễn Hữu Cấp	Phó Giám đốc tài chính	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2025

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đỗ Cử Nhân - Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2019 và tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2024).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,

CTY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH KHÁNH HÒA

Hoàng Thanh Bình
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 20 tháng 3 năm 2026

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.
Ho Chi Minh Head Office : 02 Truong Son St., Tan Son Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam — Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn
Hanoi Branch : 40 Giang Vo St., Giang Vo Ward, Ha Noi City, Vietnam — Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn
Central Region Branch : Lot STH 26A 01, Road 13, Le Hong Phong II Urban Area, Nam Nha Trang Ward, Khanh Hoa Province, Vietnam — Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn
Southwest Branch : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Hung Phu Ward, Can Tho City, Vietnam — Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn
bakertilly A&C
www.a-c.com.vn

Số: 3.0070/26/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH KHÁNH HÒA

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phát hành Sách Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2026, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phát hành Sách Khánh Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Miền Trung

M.S.C.N: 0300449815-001-C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C CHI NHÁNH MIỀN TRUNG P. NAM NHA TRANG - T. KHÁNH HÒA

Hàng Quỳnh Hạnh	**Nguyễn Thanh Thanh Tú**
Thành viên Ban Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0963-2023-008-1	*Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 5933-2023-008-1*
Người được ủy quyền	

Khánh Hòa, ngày 20 tháng 3 năm 2026

A&C Auditing and Consulting Co., Ltd. trading as Baker Tilly A&C is a member of the global network of Baker Tilly International Ltd., the members of which are separate and independent legal entities

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**43.955.743.688**	**95.651.685.000**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**10.584.600.069**	**17.568.867.605**
1. Tiền	111		5.584.600.069	2.429.601.988
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	15.139.265.617
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**508.000.000**	**1.041.000.000**
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2	508.000.000	1.041.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**1.496.589.084**	**50.746.414.133**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	512.398.221	422.770.717
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	107.550.579	179.654.473
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	1.527.868.066	50.795.216.725
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(651.227.782)	(651.227.782)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	**140**		**30.518.112.990**	**25.753.523.331**
1. Hàng tồn kho	141	V.7	30.518.112.990	25.753.523.331
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**848.441.545**	**541.879.931**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	848.441.545	541.879.931
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**88.385.598.655**	**28.035.060.682**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**51.811.196.312**	**1.528.027.000**
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	51.811.196.312	1.528.027.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**31.171.445.142**	**24.236.039.431**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	20.423.923.123	13.476.385.784
- *Nguyên giá*	*222*		*32.968.610.906*	*23.774.660.786*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*223*		*(12.544.687.783)*	*(10.298.275.002)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- *Nguyên giá*	*225*		-	-
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*226*		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	10.747.522.019	10.759.653.647
- *Nguyên giá*	*228*		*11.377.312.067*	*11.377.312.067*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*229*		*(629.790.048)*	*(617.658.420)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**1.223.392.000**	**94.108.000**
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	1.223.392.000	94.108.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**4.179.565.201**	**2.176.886.251**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	4.179.565.201	2.176.886.251
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**132.341.342.343**	**123.686.745.682**

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**77.098.856.301**	**68.723.455.463**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**73.295.301.095**	**64.249.878.337**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	29.963.749.048	24.445.146.818
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	25.651.237	24.666.971
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	412.136.574	541.828.623
4. Phải trả người lao động	314	V.15	3.426.127.277	2.694.592.495
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	369.260.839	1.315.442.709
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	387.051.000	356.510.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	530.087.833	431.673.942
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	38.091.476.774	34.421.629.539
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	89.760.513	18.387.240
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	**330**		**3.803.555.206**	**4.473.577.126**
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	2.184.336.000	2.184.336.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	1.619.219.206	2.289.241.126
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**55.242.486.042**	**54.963.290.219**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**55.242.486.042**	**54.963.290.219**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	50.000.000.000	50.000.000.000
- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*50.000.000.000*	*50.000.000.000*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	*411b*		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.21	18.000.000	18.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.21	860.771.856	860.771.856
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	159.537.348	159.537.348
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	4.204.176.838	3.924.981.015
- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*	*421a*		-	*3.924.981.015*
- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này*	*421b*		*4.204.176.838*	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**132.341.342.343**	**123.686.745.682**

Khánh Hòa, ngày 20 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Thị Thu Thảo	Nguyễn Thị Thu Thảo	Đỗ Cử Nhân
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**VI.1**	**161.919.375.908**	**139.893.712.251**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	**02**		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**161.919.375.908**	**139.893.712.251**
4. Giá vốn hàng bán	**11**	**VI.2**	**114.065.635.118**	**98.034.124.887**
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**47.853.740.790**	**41.859.587.364**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	**21**	**VI.3**	**1.155.416.844**	**893.443.657**
7. Chi phí tài chính	**22**	**VI.4**	**2.531.221.486**	**2.274.689.812**
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.490.993.971	2.241.195.200
8. Chi phí bán hàng	**25**	**VI.5**	**30.327.959.932**	**24.691.473.784**
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	**26**	**VI.6**	**10.646.283.576**	**10.813.673.010**
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**5.503.692.640**	**4.973.194.415**
11. Thu nhập khác	**31**	**VI.7**	**42.567.006**	**42.284.002**
12. Chi phí khác	**32**	**VI.8**	**249.006.752**	**35.471.814**
13. Lợi nhuận khác	**40**		**(206.439.746)**	**6.812.188**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**5.297.252.894**	**4.980.006.603**
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**51**	**V.14**	**1.093.076.056**	**1.055.025.588**
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	**52**		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**4.204.176.838**	**3.924.981.015**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**VI.9**	**841**	**752**
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**71**	**VI.9**	**841**	**751**

Khánh Hòa, ngày 20 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Thị Thu Thảo	Nguyễn Thị Thu Thảo	Đỗ Cử Nhân
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**				
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	***01***		***5.297.252.894***	***4.980.006.603***
2.	***Điều chỉnh cho các khoản:***				
-	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9; V.10	2.258.544.409	1.520.413.240
-	Các khoản dự phòng	03		-	(2.086.357.325)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(331.682.608)	(114.461.602)
-	Chi phí lãi vay	06	VI.4	2.490.993.971	2.241.195.200
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	***08***		***9.715.108.666***	***6.540.796.116***
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.028.009.063)	(1.571.333.720)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.7	(4.764.589.659)	(6.290.519)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		6.148.185.363	(1.475.461.099)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	V.8	(2.309.240.564)	(1.464.294.316)
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	V.2	533.000.000	5.607.680.000
-	Tiền lãi vay đã trả	14	V.16, IV.4	(3.506.380.441)	(2.241.195.200)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(1.008.525.588)	(1.307.115.873)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(103.607.742)	(225.319.800)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***3.675.940.972***	***3.857.465.589***
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(10.244.188.793)	(5.532.144.724)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(10.000.000.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	19.600.000.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	331.682.608	114.461.602
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(9.912.506.185)***	***4.182.316.878***

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.21	-	2.497.230.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	111.554.427.964	96.874.338.402
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(108.554.602.649)	(93.163.478.081)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.18; V.21	(3.747.527.638)	(3.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***(747.702.323)***	***2.708.090.321***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**(6.984.267.536)**	**10.747.872.788**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**V.1**	**17.568.867.605**	**6.820.994.817**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**V.1**	**10.584.600.069**	**17.568.867.605**

Khánh Hòa, ngày 20 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Thị Thu Thảo	**Nguyễn Thị Thu Thảo**	**Đỗ Cử Nhân**
Người lập	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn
Công ty Cổ phần Phát hành Sách Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh
Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh
Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Mua bán sách, báo, tạp chí, văn hóa phẩm, văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh, đồ chơi, trò chơi trẻ em. Mua bán các sản phẩm khác từ giấy và bìa carton; Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh…

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty
Các Đơn vị trực thuộc
Công ty có các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, không có hệ thống kế toán như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Trung tâm sách Thống Nhất	34 Thống Nhất, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Trung tâm sách Ninh Hòa	02 Nguyễn Thị Ngọc Oanh, phường Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa
Trung tâm sách Diên Khánh	19 Lý Tự Trọng, xã Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa
Trung tâm sách Diên Khánh 2	02 Hà Huy Tập, xã Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa
Trung tâm sách Vạn Ninh	184 Hùng Vương, xã Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa
Trung tâm sách Vạn Ninh – Công ty Cổ phần Phát hành Sách Khánh Hòa	192 Hùng Vương, xã Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa
Trung tâm sách Vĩnh Phước	531 đường 2/4, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Trung tâm sách Ninh Diêm	212 Hòn Khói, phường Đông Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa
Trung tâm sách Cam Ranh	2010 Đại lộ Hùng Vương, phường Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa
Trung tâm sách Hải Quân 2	276 Dã Tượng, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Trung tâm sách Phước Hải	140 Lê Hồng Phong, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Trung tâm sách Tân Tiến	202 Thống Nhất, phường Tây Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh	55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, thành phố Hồ Chí Minh
Trung tâm sách Tuy Hòa	107 Nguyễn Trãi, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk
Trung tâm sách Phan Rang	22 đường 16/4, phường Phan Rang, tỉnh Khánh Hòa

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính
Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên
Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 171 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 147 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ngày 27 tháng 10 năm 2025 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") và các Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200. Các quy định của Thông tư 99 được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của Nguyên vật liệu, hàng hóa được xác định: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí thuê mặt bằng. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí thuê mặt bằng

Chi phí thuê mặt bằng trả trước thể hiện khoản tiền thuê đã trả cho mặt bằng đang sử dụng. Tiền thuê mặt bằng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	03 – 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.
Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất được ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- Nhận chuyển nhượng hợp pháp: quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 năm - 04 năm.

9. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác của chủ sở hữu là phần thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm của công ty cổ phần sau khi cổ phần hóa.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có Quyết định chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	218.204.718	88.622.252
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.213.578.613	2.355.878.243
Các khoản tương đương tiền	7.152.816.738	15.139.265.617
- *Tiền gửi tài khoản chứng khoán*	*2.152.816.738*	*1.139.265.617*
- *Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng*	*5.000.000.000*	*14.000.000.000*
Cộng	**10.584.600.069**	**17.568.867.605**

2. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Á Châu	508.000.000	552.000.000	508.000.000	516.000.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát [(i)]	-	-	533.000.000	533.000.000
Cộng	**508.000.000**	**552.000.000**	**1.041.000.000**	**1.049.000.000**

(i) Lý do thay đổi chứng khoán kinh doanh: Công ty đã bán toàn bộ cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát.

Giá trị hợp lý
Giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	***5.175.905***	***7.280.250***
Công ty Cổ phần Dịch vụ Điện tử Việt	3.163.105	6.226.250
Công ty Cổ phần Chứng khoán Beta	2.012.800	1.054.000
Phải thu các khách hàng khác	***507.222.316***	***415.490.467***
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Công nghệ Thông tin NT	-	153.090.600
Các khách hàng khác	507.222.316	262.399.867
Cộng	**512.398.221**	**422.770.717**

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	-	***81.312.000***
Công ty Cổ phần Dịch vụ Điện tử Việt	-	81.312.000
Trả trước cho các người bán khác	***107.550.579***	***98.342.473***
Các nhà cung cấp khác	107.550.579	98.342.473
Cộng	**107.550.579**	**179.654.473**

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	***50.000.000.000***	-
Công ty Cổ phần Môi trường Sống - hợp đồng hợp tác đầu tư (i)	-	-	50.000.000.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	***1.527.868.066***	***(537.146.250)***	***795.216.725***	***(537.146.250)***
Tạm ứng	98.917.632	-	120.440.635	-
Các khoản đặt cọc, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.300.000	-	-	-
Dự thu khoản được bồi thường từ Bảo hiểm - Hàng hư hỏng do lũ lụt	689.911.488	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	730.738.946	(537.146.250)	674.776.090	(537.146.250)
Cộng	**1.527.868.066**	**(537.146.250)**	**50.795.216.725**	**(537.146.250)**

(i) Số đầu năm là khoản góp vốn theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 3010/HĐHTKD/2017 ngày 30 tháng 10 năm 2017 và các Phụ lục về việc đầu tư thực hiện Dự án Kho bãi tổng hợp, dịch vụ hậu cần, dịch vụ Logistic-HABITAT tại xã Tân Phước, huyện Tân Thành (nay là phường Tân Phước, thị xã Phú Mỹ), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, thời gian hoạt động của dự án là 50 năm kể từ khi được cấp giấy phép đầu tư. Theo phụ lục 04/2023/PL-HĐHTKD ngày 13 tháng 12 năm 2023, tổng số vốn góp của Công ty Cổ phần Phát hành Sách Khánh Hòa là 50.000.000.000 VND. Ngày 13 tháng 01 năm 2025, hai bên đã thanh lý hợp đồng theo Biên bản thanh lý hợp đồng hợp tác số 01/2025/BBTLHĐ, Công ty đã thu hồi khoản tiền góp vốn hợp tác kinh doanh.

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	***51.000.000.000***	-	***1.000.000.000***	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế C.S.Q (i)	50.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Điện tử Việt - ký quỹ thuê mặt bằng	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	***811.196.312***	-	***528.027.000***	-
Các khoản đặt cọc, ký cược, ký quỹ dài hạn	811.196.312	-	528.027.000	-
Cộng	**51.811.196.312**	-	**1.528.027.000**	-

(i) Khoản góp vốn theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 2001/2025/HĐHTKD ngày 20 tháng 01 năm 2025 về việc đầu tư thực hiện Dự án Khu dân cư đô thị huyện Đức Hòa – Khu A-C thuộc giai đoạn 1 (5,3597 ha) tại xã Tân Mỹ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (nay là số 145, tỉnh lộ 822, ấp Chánh, xã Hậu Nghĩa, tỉnh Tây Ninh), thời gian hoạt động của dự án là 50 năm kể ngày 22/01/2013, tổng số vốn góp của Công ty Cổ phần Phát hành Sách Khánh Hòa là 50.000.000.000 VND.

6. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các khoản phải thu khách hàng	114.081.532	-	114.081.532	-
Các khoản phải thu khác	537.146.250	-	537.146.250	-
Cộng	**651.227.782**	-	**651.227.782**	-

Các khoản phải thu nêu trên đều quá hạn 03 năm trở lên.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	651.227.782	557.585.107
Trích lập dự phòng bổ sung	-	93.642.675
Số cuối năm	**651.227.782**	**651.227.782**

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	61.581.339	-	41.568.945	-
Hàng hóa	30.456.531.651	-	25.711.954.386	-
Cộng	**30.518.112.990**	-	**25.753.523.331**	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ cũng như hàng tồn kho dùng thế chấp, cầm cố để bảo đảm các khoản vay và nợ.

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	238.871.836	146.927.841
Chi phí thuê đất, thuê mặt bằng	372.231.818	169.400.000
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	237.337.891	225.552.090
Cộng	**848.441.545**	**541.879.931**

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	3.703.219.998	1.912.519.498
Chi phí thuê đất, thuê mặt bằng	423.431.735	241.953.995
Các chi phí trả trước dài hạn khác	52.913.468	22.412.758
Cộng	**4.179.565.201**	**2.176.886.251**

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	21.114.969.121	2.154.648.212	505.043.453	23.774.660.786
Mua trong năm	1.496.191.403	2.420.567.513	928.272.756	4.845.031.672
Đầu tư xây dựng hoàn thành	4.348.918.448	-	-	4.348.918.448
Số cuối năm	**26.960.078.972**	**4.575.215.725**	**1.433.316.209**	**32.968.610.906**
Trong đó:				
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	3.164.465.834	1.625.782.881	495.163.562	5.285.412.277
Chờ thanh lý	-	-	-	-
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	8.128.005.773	1.801.976.157	368.293.072	10.298.275.002
Khấu hao trong năm	2.004.854.862	189.088.879	52.469.040	2.246.412.781
Số cuối năm	**10.132.860.635**	**1.991.065.036**	**420.762.112**	**12.544.687.783**
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	12.986.963.348	352.672.055	136.750.381	13.476.385.784
Số cuối năm	**16.827.218.337**	**2.584.150.689**	**1.012.554.097**	**20.423.923.123**
Trong đó:				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 6.678.035.656 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (xem thuyết minh số V.19).

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	10.941.628.067	435.684.000	11.377.312.067
Số cuối năm	**10.941.628.067**	**435.684.000**	**11.377.312.067**
Trong đó:			
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	-	435.684.000	435.684.000
Chờ thanh lý	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	181.974.420	435.684.000	617.658.420
Khấu hao trong năm	12.131.628	-	12.131.628
Số cuối năm	**194.106.048**	**435.684.000**	**629.790.048**
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	10.759.653.647	-	10.759.653.647
Số cuối năm	**10.747.522.019**	**-**	**10.747.522.019**
Trong đó:			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Toàn bộ quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 10.747.522.019 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (xem thuyết minh số V.19).

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định (cài đặt phần mềm)	-	1.223.392.000	-	1.223.392.000
Xây dựng cơ bản dở dang	94.108.000	4.254.810.448	(4.348.918.448)	-
- *Công trình nhà sách Diên Khánh 2*	*94.108.000*	*4.254.810.448*	*(4.348.918.448)*	-
Cộng	**94.108.000**	**5.478.202.448**	**(4.348.918.448)**	**1.223.392.000**

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Ngọc Dung	1.610.547.224	1.127.812.045
Các nhà cung cấp khác	28.353.201.824	23.317.334.773
Cộng	**29.963.749.048**	**24.445.146.818**

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
UBND xã Phước Đồng	16.377.600	9.383.000
Trường Tiểu học Diên Điền	-	2.783.000
Các khách hàng khác	9.273.637	12.500.971
Cộng	**25.651.237**	**24.666.971**

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	319.602.375	2.744.869.625	(2.964.048.012)	100.423.988
Thuế thu nhập doanh nghiệp	208.525.588	1.093.076.056	(1.008.525.588)	293.076.056
Thuế thu nhập cá nhân	13.700.660	403.712.853	(398.776.983)	18.636.530
Tiền thuê đất	-	227.448.520	(227.448.520)	-
Thuế nhà đất	-	13.452.761	(13.452.761)	-
Lệ phí môn bài	-	17.500.000	(17.500.000)	-
Cộng	**541.828.623**	**4.500.059.815**	**(4.629.751.864)**	**412.136.574**

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

- Sách và văn phòng phẩm : Không chịu thuế, 5%, 10%
- Dịch vụ cho thuê mặt bằng : 10%

Năm 2025, thuế suất giá trị gia tăng của một số mặt hàng, dịch vụ chịu thuế 10% giảm xuống còn 8% theo Nghị định 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và Nghị định 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của Chính phủ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.297.252.894	4.980.006.603
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	*168.127.387*	*295.121.339*
Thu nhập tính thuế	5.465.380.281	5.275.127.942
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	**1.093.076.056**	**1.055.025.588**

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất
Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng tại địa chỉ 32, 34, 36 Thống Nhất, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa với đơn giá thuê hàng năm 720.000 VND/m^2.

Thuế nhà đất
Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác
Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động
Số cuối năm là tiền lương còn phải trả cho người lao động.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả Bà Nguyễn Thị Hải	-	1.086.287.009
Chi phí lãi vay phải trả ngân hàng	70.900.539	-
Chi phí hao hụt	166.540.300	119.790.700
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	131.820.000	109.365.000
Cộng	**369.260.839**	**1.315.442.709**

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn
Tiền nhận trước về cho thuê mặt bằng.

18. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác
18a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	368.284.693	288.813.942
Bảo hiểm xã hội	320.778	-
Cổ tức	2.472.362	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	159.010.000	142.860.000
Cộng	**530.087.833**	**431.673.942**

18b. Phải trả dài hạn khác
Khoản ký quỹ cho thuê nhà của Công ty TNHH Lotteria Việt Nam.

18c. Nợ phải trả quá hạn chưa thanh toán
Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

19. Vay ngắn hạn/dài hạn
19a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa [(i)]	37.421.454.854	33.751.607.619
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.19b)	670.021.920	670.021.920
Cộng	**38.091.476.774**	**34.421.629.539**

Công ty có khả năng thanh toán các khoản vay ngắn hạn.

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa theo hợp đồng cho vay hạn mức số 192/2025-HĐCVHM/NHCT580-KHDNVVN ngày 11/07/2025, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, hạn mức cho vay là 40 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 10/07/2026, thời gian vay tối đa là 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay quy định theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình (xem thuyết minh số V.9 và V.10).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	33.751.607.619	670.021.920	34.421.629.539
Số tiền vay phát sinh trong năm	111.554.427.964	-	111.554.427.964
Kết chuyển từ vay dài hạn	-	670.021.920	670.021.920
Số tiền vay đã trả trong năm	(107.884.580.729)	(670.021.920)	(108.554.602.649)
Số cuối năm	**37.421.454.854**	**670.021.920**	**38.091.476.774**

19b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	1.619.219.206	2.289.241.126
Cộng	**1.619.219.206**	**2.289.241.126**

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Khoản vay theo hợp đồng cho vay hạn mức số 108/2024-HĐCVTL/NHCT580-KHDNVVN ngày 17/05/2024 để thanh toán chi phí và/hoặc giải ngân nguồn vốn mà Công ty đã ứng vốn thuộc sở hữu Công ty để đầu tư xây dựng nhà sách tại 198+200+202 Thống Nhất, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Thời giạn giải ngân đến hết ngày 15/11/2024. Thời hạn cho vay là 60 tháng tính từ ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Lãi suất tiền vay được quy định trên từng Giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình (xem thuyết minh số V.9 và V.10).

Kỳ hạn thanh toán khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	670.021.920	670.021.920
Trên 01 năm đến 05 năm	1.619.219.206	2.289.241.560
Cộng	**2.289.241.126**	**2.959.263.480**

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	2.289.241.126
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(670.021.920)
Số cuối năm	**1.619.219.206**

19c. Nợ phải trả quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ phúc lợi	15.093.448	117.749.430	(77.200.000)	55.642.878
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	3.293.792	57.231.585	(26.407.742)	34.117.635
Cộng	**18.387.240**	**174.981.015**	**(103.607.742)**	**89.760.513**

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	47.502.770.000	18.000.000	860.771.856	159.537.348	3.651.283.521	52.192.362.725
Tăng vốn điều lệ trong năm trước	2.497.230.000	-	-	-	-	2.497.230.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	3.924.981.015	3.924.981.015
Trích quỹ phúc lợi từ lợi nhuận năm 2023	-	-	-	-	(109.538.505)	(109.538.505)
Trích quỹ thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận năm 2023	-	-	-	-	(41.745.016)	(41.745.016)
Chia cổ tức năm 2023	-	-	-	-	(3.500.000.000)	(3.500.000.000)
Số dư cuối năm trước	**50.000.000.000**	**18.000.000**	**860.771.856**	**159.537.348**	**3.924.981.015**	**54.963.290.219**
Số dư đầu năm nay	50.000.000.000	18.000.000	860.771.856	159.537.348	3.924.981.015	54.963.290.219
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	4.204.176.838	4.204.176.838
Trích quỹ phúc lợi từ lợi nhuận năm 2024	-	-	-	-	(117.749.430)	(117.749.430)
Trích quỹ thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận năm 2024	-	-	-	-	(57.231.585)	(57.231.585)
Chia cổ tức năm 2024	-	-	-	-	(3.750.000.000)	(3.750.000.000)
Số dư cuối năm nay	**50.000.000.000**	**18.000.000**	**860.771.856**	**159.537.348**	**4.204.176.838**	**55.242.486.042**

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Chi tiết vốn góp theo cổ đông lớn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bà Nguyễn Thị Thảo	11.630.000.000	11.630.000.000
Bà Đoàn Thị Diễm Thảo	10.505.000.000	10.505.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Điện tử Việt	9.499.640.000	9.499.640.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Nam Việt	9.000.000.000	9.000.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Beta	3.600.000.000	3.600.000.000
Các cổ đông khác	5.765.360.000	5.765.360.000
Cộng	**50.000.000.000**	**50.000.000.000**

21c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 số 26.6/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 6 năm 2025 như sau:

	Số được phân phối	Số đã trích trong năm trước	Số trích trong năm nay
• Trích quỹ phúc lợi	117.749.430	-	117.749.430
• Trích quỹ thưởng Ban điều hành	57.231.585	-	57.231.585
• Chia cổ tức cho cổ đông	3.750.000.000	-	3.750.000.000

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

22a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	3.067.636.364	1.927.636.362
Trên 1 năm đến 5 năm	12.742.121.818	8.436.181.819
Trên 5 năm	9.854.740.000	7.723.636.364
Cộng	**25.664.498.182**	**18.087.454.545**

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động bao gồm:

- Công ty thuê đất với cá nhân theo hợp đồng thuê 01/2019/HĐ/PHS-CN ngày 07/05/2019 tại địa chỉ số 212 Hòn Khói, Ninh Diêm, phường Đông Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Thời gian thuê là 10 năm từ ngày 07/05/2019 đến ngày 07/05/2029. Giá thuê theo hợp đồng thuê.
- Công ty thuê đất với cá nhân theo hợp đồng thuê 01/2021/HĐ/PHS-CN ngày 01/01/2021 tại địa chỉ số 68 - 70 Dã Tượng, phường Nam Nha Trang, thời gian thuê là 9 năm từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2030. Giá thuê theo hợp đồng thuê.
- Công ty thuê đất với cá nhân theo hợp đồng thuê 16/01/2024/HĐ/PHS-CN ngày 16/01/2024 tại địa chỉ số 198-200-202 Thống Nhất, phường Nha Trang, thời gian thuê là 10 năm từ ngày 01/04/2024 đến ngày 31/03/2034. Giá thuê theo hợp đồng thuê.
- Công ty thuê đất với cá nhân theo hợp đồng thuê 01.04/2024/HĐ/PHS-CN ngày 01/04/2024 tại địa chỉ số 08 Lê Hồng Phong, phường Nam Nha Trang, thời gian thuê là 10 năm từ ngày 10/06/2024 đến ngày 31/5/2034. Giá thuê theo hợp đồng thuê.
- Công ty thuê đất với cá nhân theo hợp đồng thuê 09.09/2024/HĐ/PHS-CN ngày 03/10/2024 tại địa chỉ hiện tại số 02 Hà Huy Tập, xã Diên Khánh, thời gian thuê là 10 năm từ ngày 01/11/2024 đến ngày 31/10/2034. Giá thuê theo hợp đồng thuê.
- Công ty thuê đất với cá nhân theo hợp đồng thuê 58/HĐTQSDĐ&TSGLVĐ/VPCC-NTTH ngày 05/08/2025 tại địa chỉ hiện tại số 22 Đường 16/4, phường Phan Rang, tỉnh Khánh Hoà, thời gian thuê là 10 năm từ ngày 01/10/2025 đến ngày 30/09/2035. Giá thuê theo hợp đồng thuê.

- Công ty thuê đất với Công ty Cổ phần Thương mại Miền Núi Phú Yên theo hợp đồng thuê 10.09/2025/HĐ/PHS-CN ngày 10/09/2025 tại địa chỉ hiện tại số 107 Nguyễn Trãi, phường Tuy Hoà, tỉnh Đăk Lăk, thời gian thuê là 05 năm từ ngày 10/09/2025 đến ngày 09/09/2030. Giá thuê theo hợp đồng thuê.

22b. Tài sản nhận giữ hộ

Tại ngày cuối năm không có hàng hóa nhận ký gửi (tại ngày đầu năm là 323.605.568 VND).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	159.641.149.608	137.795.784.251
Doanh thu cho thuê mặt bằng	2.278.226.300	2.097.928.000
Cộng	**161.919.375.908**	**139.893.712.251**

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty chỉ phát sinh giao dịch về bán hàng cho các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Dịch vụ Điện tử Việt - Doanh thu bán hàng hóa	25.255.739	20.587.222
Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA - Doanh thu bán hàng hóa	16.492.180	13.363.559

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	114.046.112.858	98.014.602.627
Giá vốn cho thuê mặt bằng	19.522.260	19.522.260
Cộng	**114.065.635.118**	**98.034.124.887**

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	331.682.608	114.461.602
Chiết khấu thanh toán	339.734.236	237.025.255
Lãi kinh doanh chứng khoán	484.000.000	541.956.800
Cộng	**1.155.416.844**	**893.443.657**

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	2.490.993.971	2.241.195.200
(Hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư	-	(980.000.000)
Chi phí kinh doanh chứng khoán	40.227.515	1.013.494.612
Cộng	**2.531.221.486**	**2.274.689.812**

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	20.774.790.313	17.535.948.989
Chi phí vật liệu, bao bì	435.464.258	355.570.329
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.183.715.384	636.822.882
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.124.654.189	1.451.100.880
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.639.228.486	1.423.585.767
Các chi phí khác	4.170.107.302	3.288.444.937
Cộng	**30.327.959.932**	**24.691.473.784**

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	5.188.945.298	4.415.962.065
Chi phí vật liệu, bao bì	133.367.831	112.636.332
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	161.098.941	141.942.440
Chi phí khấu hao tài sản cố định	133.890.220	69.312.360
Thuế, phí và lệ phí	121.398.974	481.223.638
Dự phòng phải thu khó đòi	-	93.642.675
Chi phí dịch vụ mua ngoài	148.540.367	139.455.600
Các chi phí khác	4.759.041.945	5.359.497.900
Cộng	**10.646.283.576**	**10.813.673.010**

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý vật tư	29.363.028	36.135.074
Thu nhập khác	13.203.978	6.148.928
Cộng	**42.567.006**	**42.284.002**

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thanh lý vật tư	53.204.474	33.797.173
Tiền thuế, lãi chậm nộp thuế	1.268.447	1.512.741
Các chi phí khác	194.533.831	161.900
Cộng	**249.006.752**	**35.471.814**

9. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.204.176.838	3.924.981.015
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(117.749.430)
Trích thưởng Ban quản lý điều hành	-	(57.231.585)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	4.204.176.838	3.750.000.000
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	5.000.000	4.984.989
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	**841**	**752**

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.913.646.414	1.246.971.983
Chi phí nhân công	25.963.735.611	21.951.911.054
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.258.544.409	1.520.413.240
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.787.768.853	1.563.041.367
Chi phí khác	9.050.548.221	9.222.809.150
Cộng	**40.974.243.508**	**35.505.146.794**

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Công nợ liên quan đến mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác
Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, công nợ liên quan đến mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ứng trước tiền mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	5.335.200	-
Phải trả tiền mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	237.863.390	153.482.863

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt, chỉ phát sinh giao dịch chi trả cổ tức như sau:

	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị	15.375.000	14.350.000
Ban kiểm soát	1.125.000	1.050.000
Ban Giám đốc	6.000.000	5.600.000

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức vụ	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay				
Ông Hoàng Thanh Bình	Chủ tịch HĐQT	-	120.000.000	120.000.000
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	Phó Chủ tịch HĐQT	-	96.000.000	96.000.000
Bà Nguyễn Thị Tuất	Thành viên HĐQT	-	60.000.000	60.000.000
Ông Đỗ Cử Nhân	Giám đốc	408.253.534	-	408.253.534
Ông Trần Thái Nhân	Phó Giám đốc	394.446.687	-	394.446.687
Ông Nguyễn Hữu Cấp (từ ngày 01/06/2025)	Phó Giám đốc tài chính	371.024.738	-	371.024.738
Bà Ngô Thị Kiều Hạnh	Trưởng Ban kiểm soát	-	36.000.000	36.000.000
Bà Nguyễn Thị Linh Huệ	Thành viên Ban kiểm soát	-	24.000.000	24.000.000
Ông Đỗ Tiến Thuần	Thành viên Ban kiểm soát	-	24.000.000	24.000.000
Cộng		**1.173.724.959**	**360.000.000**	**1.533.724.959**
Năm trước				
Ông Hoàng Thanh Bình	Chủ tịch HĐQT	-	108.000.000	108.000.000
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	Phó Chủ tịch HĐQT	-	66.000.000	66.000.000
Bà Nguyễn Thị Tuất	Thành viên HĐQT	-	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên HĐQT	332.385.021	6.000.000	338.385.021
Ông Đỗ Cử Nhân	Giám đốc	396.361.283	-	396.361.283
Ông Trần Thái Nhân	Phó Giám đốc	323.974.391	-	323.974.391
Ông Nguyễn Hữu Cấp (đến ngày 01/06/2024)	Phó Giám đốc tài chính	333.432.779	-	333.432.779
Bà Ngô Thị Kiều Hạnh	Trưởng Ban kiểm soát	-	36.000.000	36.000.000
Bà Nguyễn Thị Linh Huệ	Thành viên Ban kiểm soát	-	24.000.000	24.000.000
Ông Đỗ Tiến Thuần	Thành viên Ban kiểm soát	-	24.000.000	24.000.000
Cộng		**1.386.153.474**	**324.000.000**	**1.710.153.474**

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Dịch vụ Điện tử Việt	Là cổ đông nắm giữ 19% vốn điều lệ và có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Chứng khoán Beta	Là cổ đông của Công ty Cổ phần Dịch vụ Điện tử Việt và có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế C.S.Q	Công ty có người đại diện pháp luật là thành viên có quan hệ mật thiết của thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Môi Trường Sống	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt với Công ty Cổ phần Chứng khoán Beta
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Đại Hưng	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt với Công ty Cổ phần Dịch vụ Điện tử Việt

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Dịch vụ Điện tử Việt		
Công ty chi cổ tức	712.473.000	2.843.724.800
Chi phí thuê mặt bằng	2.305.500.000	3.004.835.000
Công ty chuyển tiền đặt cọc tiền thuê mặt bằng	-	5.000.000.000
Công ty nhận hoàn trả tiền đặt cọc thuê mặt bằng	-	4.150.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Beta		
Công ty chi cổ tức	270.000.000	252.000.000
Công ty ứng bán chứng khoán	-	2.000.000.000
Hoàn ứng tiền ứng bán chứng khoán	-	2.000.658.000
Chi phí dịch vụ	-	1.200.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế C.S.Q		
Công ty chi tiền hợp tác đầu tư	50.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Môi Trường Sống		
Công ty nhận lại tiền hợp tác đầu tư	50.000.000.000	-
Công ty chi tiền hợp tác đầu tư	-	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Đại Hưng		
Chi phí dịch vụ tổ chức hội nghị	-	506.523.570

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4 và V.5.

Ngoài ra Công ty còn số dư tài khoản chứng khoán mở tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Beta (xem thuyết minh số V.1).

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Khánh Hòa, ngày 20 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Thị Thu Thảo	Nguyễn Thị Thu Thảo	Đỗ Cử Nhân
Người lập	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**